

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CÂY THỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 617/QĐ-UBND

Cây Thị, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của xã Cây Thị
(Trình kỳ họp thứ ba HĐND xã Cây Thị khóa XX nhiệm kỳ 2021-2026)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÂY THỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Đông Hỷ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đông Hỷ năm 2022;

Theo đề nghị của công chức Tài chính- kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của xã Cây Thị, trình kỳ họp ba HĐND xã khóa XX nhiệm kỳ 2021-2026 (Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT, ban tài chính.



CHỦ TỊCH

Dương Minh Thư

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND xã Cây Thị)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	4.220.000.000	4.099.000.000
I	Các khoản thu 100%	24.000.000	24.000.000
1	Phí, lệ phí	19.000.000	19.000.000
2	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	5.000.000	5.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	236.000.000	115.000.000
1	Các khoản thu phân chia	236.000.000	115.000.000
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000.000	4.000.000
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
-	Lệ phí trước bạ	22.000.000	11.000.000
-	Thuế thu nhập cá nhân	110.000.000	
-	Thuế GTGT	100.000.000	100.000.000
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.960.000.000	3.960.000.000
1	Thu bổ sung cân đối	3.960.000.000	3.960.000.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND xã Cây Thị)

Đơn vị đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	4.243.000.000	0	4.099.000.000
	Trong đó			
1	Chi giáo dục			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế	44.700.000		44.700.000
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh			
6	Chi thể dục thể thao	25.000.000		25.000.000
7	Chi bảo vệ môi trường			
8	Chi các hoạt động kinh tế	25.000.000		25.000.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.214.124.000		3.214.124.000
10	Chi cho công tác xã hội	108.076.000		108.076.000
11	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	522.100.000		522.100.000
12	Chi khác			
13	Tiết kiệm chi	73.000.000		62.000.000
14	Dự phòng ngân sách	71.000.000		63.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CÂY THỊ

Số: 55/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cây Thị, ngày 16 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân xã quyết định dự toán ngân sách xã năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÂY THỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân xã quyết định dự toán ngân sách xã năm 2022 như sau:

1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 trình Hội đồng nhân dân xã (theo các Biểu đính kèm Quyết định này).

2. Thuyết minh dự toán ngân sách năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy- HĐND TT;
- Các cơ quan đoàn thể;
- Các tổ trường;
- Lưu: VP UBND.



CHỦ TỊCH

Đương Minh Thư



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	4.099.000	TỔNG SỐ CHI	4.099.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	124.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	15.000	II. Chi thường xuyên	3.974.000
III. Thu bổ sung	3.960.000	III. Dự phòng	63.000
- Bổ sung cân đối	3.960.000	IV. Tiết kiệm chi 10%	62.000
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021		DỰ TOÁN NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	4.662.300	4.556.300	4.220.000	4.099.000	90,5	90,0
I	Các khoản thu 100%	34.200	34.200	24.000	24.000	70,2	70,2
-	Phí, lệ phí	16.200	16.200	19.000	19.000	117,3	117,3
+	<i>Phí hộ tịch, chứng thực</i>	4.000	4.000	13.000	13.000	325,0	325,0
+	<i>Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	53.000	53.000	6.000	6.000	11,3	11,3
-	Thu khác	18.000	18.000	5.000	5.000	27,8	27,8
+	<i>DVSD DTBH tại chợ</i>						
+	<i>Thu phạt</i>	18.000	18.000	5.000	5.000	27,8	27,8
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	152.100	46.100	236.000	115.000	155,2	249,5
1	Các khoản thu phân chia	152.100	46.100	236.000	115.000	155,2	249,5
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.100	4.100	4.000	4.000	97,6	97,6
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000	10.000	22.000	11.000	110,0	110,0
-	Thuế TNCN	96.000	0	110.000	0	114,6	
+	<i>Thuế TNCN từ kinh doanh</i>	16.000		50.000		312,5	
+	<i>Thuế TNCN từ chuyển quyền SDD</i>	80.000		60.000		75,0	
-	Thuế GTGT	32.000	32.000	100.000	100.000	312,5	312,5
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.476.000	4.476.000	3.960.000	3.960.000		88,5
-	Thu bổ sung cân đối	4.476.000	4.476.000	3960000	3.960.000		88,5
-	Thu bổ sung có mục tiêu						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng


Nội dung	Dự toán năm 2021			Dự toán năm 2022			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng	ĐTPT	TX
	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
Tổng số chi	799.076		4.683.898	4.099.000		4.099.000	513,0		87,5
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	442.000		442.000	405.953		405.953	91,8		91,8
- Chi dân quân tự vệ	277.000		277.000	283.325		283.325	102,3		102,3
- Chi trật tự an toàn xã hội	165.000		165.000	122.628		122.628	74,3		74,3
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ									
2. Chi y tế	80.000		80.000	44.700		44.700	55,9		55,9
3. Chi văn hóa, thông tin	22.000		22.000	35.000		35.000	159,1		159,1
6. Chi thanh tra giám sát đầu tư			10.000	10.000		10.000			
4. Chi thể dục, thể thao	15.000		15.000	25.000		25.000	166,7		166,7
8. Chi bảo vệ môi trường									
5. Chi các hoạt động kinh tế	25.000		25.000	25.000		25.000	100,0		100,0
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	25.000		25.000	25.000		25.000	100,0		100,0
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
6. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	0		3.874.822	3.320.271		0 3.320.271			85,7
<i>Trong đó: Quỹ lương</i>									
10.1. Quản lý Nhà nước	2.293.822		2.293.822	1.879.398		1.879.398	81,9		81,9
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	525.000		525.000	522.338		522.338	99,5		99,5
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	293.600		293.600	275.487		275.487	93,8		93,8
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản	160.200		160.200	116.478		116.478	72,7		72,7
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	165.000		165.000	122.429		122.429	74,2		74,2
10.6. Hội Cựu chiến binh	165.000		165.000	156.705		156.705	95,0		95,0
10.7. Hội Nông dân	141.200		141.200	116.932		116.932	82,8		82,8
10.8. Chi hỗ trợ khác	131.000		131.000	130.504		130.504	99,6		99,6
7. Chi cho công tác xã hội	98.076		98.076	108.076		108.076	110,2		110,2
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	98.076		98.076	98.076		98.076	100,0		100,0
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác				10.000		10.000			
12. Chi khác									
8. Tiết kiệm chi	45.000		45.000	62.000		62.000	137,8		137,8
9. Dự phòng	72.000		72.000	63.000		63.000	87,5		87,5

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021



Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	UOC THỰC HIỆN NĂM	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	4.537.900	6.352.900	140
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	19.800	32.641	165
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	42.100	46.054	109
3	Thu bổ sung	4.476.000	5.666.110	127
	- Thu bổ sung cân đối	4.476.000	4.318.000	96
	- Thu bổ sung có mục tiêu		1.348.110	
4	Thu kết dư		108.095	
5	Thu chuyển nguồn		500.000	
II	TỔNG SỐ CHI	6.328.110	6.317.632	100
1	Chi đầu tư phát triển	575.414	575.414	100
2	Chi thường xuyên	5.680.696	5.742.218	101
3	Dự phòng	72.000		


 ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021		ƯỚC THỰC HIỆN 2021		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	4.887.900	4.537.900	5.054.291	6.352.900	103,4	140,0
I	Các khoản thu 100%	19.800	19.800	32.641	32.641	164,9	164,9
-	Phí, lệ phí	14.800	14.800	11.141	11.141	75,3	75,3
+	<i>Phí hộ tịch, chứng thực</i>	4.000	4.000	13.000	13.000	325,0	325,0
-	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi						
-	Thu từ hoạt động kinh tế và sự						
-	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
-	Thu từ tài sản được xác lập						
-	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
-	Đóng góp tự nguyện của các tổ						
+	<i>Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	7.200	7.200	4.700	4.700	65,3	65,3
-	Thu khác	5.000	5.000	21.500	21.500	430,0	430,0
+	<i>DVSD DTBH tại chợ</i>						
+	<i>Thu phạt</i>	18.000	18.000	5.000	5.000	27,8	27,8
II	Các khoản thu phân chia theo	113.100	42.100	95.555	46.054	84,5	109,4
1	Các khoản thu phân chia	113.100	42.100	95.555	46.054	84,5	109,4
-	Thuế sử dụng đất phi nông	4.100	4.100	4.000	4.000	97,6	97,6
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	14.000	7.000	20.014	10.007	143,0	143,0
-	Thuế TNCN	64.000	0	39.494	0	61,7	
+	<i>Thuế TNCN từ kinh doanh</i>						
+	<i>Thuế TNCN từ chuyển quyền</i>	64.000		39.494		61,7	
-	Thuế GTGT	31.000	31.000	32.047	32.047	103,4	103,4
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại						
IV	Thu chuyển nguồn			500.000	500.000		
V	Thu kết dư ngân sách năm			108.095	108.095		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp	4.755.000	4.476.000	4.318.000	5.666.110		126,6
-	Thu bổ sung cân đối	4.755.000	4.476.000	4318000	4.318.000		96,5
-	Thu bổ sung có mục tiêu			1348110	1348110		

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021



Đơn vị: 1000 đồng

	Dự toán năm 2021			ước thực hiện năm 2021			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	6.328.110	575.414	5.752.696	6.317.632	575.414	5.742.218	99,8		99,8
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	412.870		412.870	403.634		403.634	97,8		97,8
2. Chi giáo dục	0			0					
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
2. Chi y tế	53.000		53.000	52.001		52.001	98,1		98,1
3. Chi văn hóa, thông tin	26.000		26.000	20.950		20.950	80,6		80,6
6. Chi thanh tra giám sát đầu tư cộng đồng	0			0					
4. Chi thể dục, thể thao	50.000		50.000	7.500		7.500	15,0		15,0
8. Chi bảo vệ môi trường	0			0					
5. Chi các hoạt động kinh tế	1.105.414	245.414	860.000	1.105.414	245.414	860.000	100,0	100,0	100,0
6. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.464.826	330.000	4.134.826	4.488.107	330.000	4.158.107	100,0	100,0	100,6
7. Chi cho công tác xã hội	99.000		99.000	98.076		98.076	99,1		99,1
8. Tiết kiệm chi	45.000		45.000	0			0,0		0,0
9. Dự phòng	72.000		72.000	0			0,0		0,0
10. Chi chuyển nguồn sang năm sau	72.000		72.000	70.975		70.975	98,6		98,6

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân xã quyết định dự toán ngân sách xã năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÂY THỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân xã quyết định dự toán ngân sách xã năm 2022 như sau:

1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 trình Hội đồng nhân dân xã (theo các Biểu đính kèm Quyết định này).

2. Thuyết minh dự toán ngân sách năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy- HĐND TT;
- Các cơ quan đoàn thể;
- Các tổ trưởng;
- Lưu: VP UBND.



CHỦ TỊCH

Đương Minh Thư

Cây Thị, ngày 16 tháng 12 năm 2021

BIÊN BẢN

**Niêm yết Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh làm căn cứ trình
Hội đồng nhân dân xã quyết định dự toán ngân sách
Xã Cây Thị năm 2022**

I. Thời gian - địa điểm:

Hôm nay, vào hồi 09 giờ 00 ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại UBND xã Cây Thị tiến hành họp niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách xã Cây Thị năm 2022.

II. Thành phần dự họp:

- | | | |
|---------------------------|-------------------------------|-----------|
| - Ông: Dương Minh Thư | - Chủ tịch UBND | - Chủ tọa |
| - Ông: Phạm Thanh Sao | - Bí thư Đảng ủy kiêm CT HĐND | |
| - Ông: Hoàng Văn Tám | - PBT TT Đảng ủy | |
| - Ông: Hoàng Duy Nhất | - Phó chủ tịch UBND | |
| - Ông: Bùi Tuấn Anh | - Phó chủ tịch UBND | |
| - Bà: Phạm Thị Chiến | - Chủ tịch UBMTTQ | |
| - Bà: Dương Thị Hợp | - Chủ tịch Hội PN | |
| - Ông: Bàn Trung Tuấn | - Bí thư ĐTN | |
| - Ông: Nguyễn Trọng Khanh | - Chủ tịch Hội CCB | |
| - Bà: Hoàng Thị Mươi | - CC Tài chính - Kế toán | |
| - Bà: Phạm Thị Huyền | - CC Văn phòng - Thống kê | - Thư ký |

III. Nội dung:

1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 trình Hội đồng nhân dân xã Cây Thị:

Thực hiện Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán thu - chi ngân sách ban hành kèm theo Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính từ ngày 17/12/2021 đến ngày 20/12/2021.

UBND xã Cây Thị thực hiện công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 trình Hội đồng nhân dân xã Cây Thị như sau:

Công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách thị trấn năm 2022:

- Cân đối ngân sách xã (theo Biểu số 103/CK TC- NSNN)

- Dự toán thu ngân sách xã (theo Biểu số 104/CK TC- NSNN)
- Dự toán chi ngân sách xã (theo Biểu số 105/CK TC- NSNN)
- Dự toán chi đầu tư phát triển (theo Biểu số 106/CK TC- NSNN)
(Có biểu chi tiết kèm theo)

2. Công khai thuyết minh dự toán ngân sách năm 2022 xã Cây Thị

(Có thuyết minh kèm theo)

3. Về hình thức và thời điểm công khai:

- Công khai trong các cuộc họp của cán bộ, công chức UBND và các buổi họp giao ban Bí thư, tổ trưởng định kỳ.

- Niêm yết công khai tại bảng tin của cơ quan và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, công chức cơ quan, Các cơ quan đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, công dân... xem xét. Thời điểm công bố là 1/1/2022.

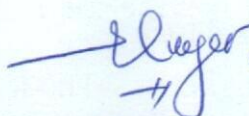
4. Tổ chức thực hiện:

- Chủ tịch UBND xã Cây Thị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định theo quy chế và kế hoạch đề ra. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Công chức Tài chính - Kế toán chịu trách nhiệm: Công khai thu - chi tài chính và chuẩn bị các nội dung công khai có liên quan báo cáo Chủ tịch UBND.

Biên bản họp được thông qua cho các thành viên cùng nghe và nhất trí 100%, cuộc họp kết thúc vào hồi 10 giờ cùng ngày./.

THƯ KÝ



Phạm Thị Huyền

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY -
KIỂM CT HĐND



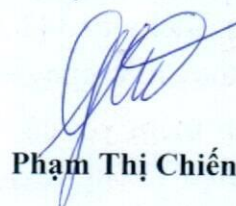
Phạm Thanh Sao



CHỦ TỊCH UBND

Dương Minh Thư

ĐẠI DIỆN CÁC TỔ CHỨC CT - XH
CHỦ TỊCH UBMTTQ



Phạm Thị Chiến

Cây Thị, ngày 16 tháng 12 năm 2021

CÔNG KHAI THUYẾT MINH
Số liệu dự toán ngân sách năm 2022 xã Cây Thị

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

UBND xã Cây Thị thực hiện công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 trình Hội đồng nhân xã Cây Thị như sau:

I. Nguyên tắc xây dựng và phân bổ dự toán năm 2022:

1. Nguyên tắc xây dựng dự toán thu ngân sách:

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính; Trên cơ sở dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021, căn cứ vào thực tế nguồn thu của địa phương và các quy định của pháp luật về thu ngân sách để xây dựng dự toán thu ngân sách.

2. Nguyên tắc xây dựng và phân bổ dự toán chi ngân sách:

Dự toán chi thường xuyên được xây dựng, phân bổ đảm bảo đúng quy theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật ngân sách nhà nước; Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Căn cứ vào điều kiện thực tế về nguồn kinh phí của huyện giao, đảm bảo bố trí kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, chi hoạt động thường xuyên của Đảng ủy - HĐND - UBND và các tổ chức chính trị- xã hội...

Bố trí dự phòng ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước để chủ động phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và xử lý những nhiệm vụ quan trọng phát sinh ngoài dự toán.

Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

II. Dự toán thu - chi ngân sách năm 2022:

1. Dự toán thu ngân sách năm 2022:

* Tổng thu NSNN trên địa bàn: 260.000.000 đồng

* Tổng thu ngân sách xã : 4.099.000.000 đồng

Trong đó: - Thu hưởng điều tiết NSNN: 139.000.000 đồng

- Thu bổ sung cân đối: 3.960.000.000 đồng

2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022:

Tổng chi ngân sách: 4.099.000.000 đồng

Trong đó: - Chi thường xuyên: 4.099.000.000 đồng

- Tiết kiệm chi 10%: 62.000.000 đồng

- Dự phòng NS: 63.000.000 đồng

III. Đánh giá về Số liệu dự toán ngân sách năm 2022 xã Cây Thị:

Nhìn chung số liệu dự toán thu - chi ngân sách xã Cây Thị năm 2022 được xây dựng đảm bảo theo đúng Luật Ngân sách nhà nước năm 2022 và các văn bản quy định hiện hành./.

KÊ TOÁN



Hoàng Thị Mươi



CHỦ TỊCH UBND

Đương Minh Thư

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022***(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)**Đơn vị: 1000 đồng*

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	4.099.000	TỔNG SỐ CHI	4.099.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	124.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	15.000	II. Chi thường xuyên	3.974.000
III. Thu bổ sung	3.960.000	III. Dự phòng	63.000
- Bổ sung cân đối	3.960.000	IV. Tiết kiệm chi 10%	62.000
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021		DỰ TOÁN NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	4.662.300	4.556.300	4.220.000	4.099.000	90,5	90,0
I	Các khoản thu 100%	34.200	34.200	24.000	24.000	70,2	70,2
-	Phí, lệ phí	16.200	16.200	19.000	19.000	117,3	117,3
+	<i>Phí hộ tịch, chứng thực</i>	4.000	4.000	13.000	13.000	325,0	325,0
+	<i>Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	53.000	53.000	6.000	6.000	11,3	11,3
-	Thu khác	18.000	18.000	5.000	5.000	27,8	27,8
+	<i>DVSD DTBH tại chợ</i>						
+	<i>Thu phạt</i>	18.000	18.000	5.000	5.000	27,8	27,8
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	152.100	46.100	236.000	115.000	155,2	249,5
1	Các khoản thu phân chia	152.100	46.100	236.000	115.000	155,2	249,5
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.100	4.100	4.000	4.000	97,6	97,6
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000	10.000	22.000	11.000	110,0	110,0
-	Thuế TNCN	96.000	0	110.000	0	114,6	
+	<i>Thuế TNCN từ kinh doanh</i>	16.000		50.000		312,5	
+	<i>Thuế TNCN từ chuyển quyền SĐĐ</i>	80.000		60.000		75,0	
-	Thuế GTGT	32.000	32.000	100.000	100.000	312,5	312,5
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.476.000	4.476.000	3.960.000	3.960.000		88,5
-	Thu bổ sung cân đối	4.476.000	4.476.000	3960000	3.960.000		88,5
-	Thu bổ sung có mục tiêu						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

Nội dung	Dự toán năm 2021			Dự toán năm 2022			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng	ĐTPT	TX
	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
Tổng số chi	799.076		4.683.898	4.099.000		4.099.000	513,0		87,5
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	442.000		442.000	405.953		405.953	91,8		91,8
- Chi dân quân tự vệ	277.000		277.000	283.325		283.325	102,3		102,3
- Chi trật tự an toàn xã hội	165.000		165.000	122.628		122.628	74,3		74,3
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
2. Chi y tế	80.000		80.000	44.700		44.700	55,9		55,9
3. Chi văn hóa, thông tin	22.000		22.000	35.000		35.000	159,1		159,1
6. Chi thanh tra giám sát đầu tư			10.000	10.000		10.000			
4. Chi thể dục, thể thao	15.000		15.000	25.000		25.000	166,7		166,7
8. Chi bảo vệ môi trường									
5. Chi các hoạt động kinh tế	25.000		25.000	25.000		25.000	100,0		100,0
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	25.000		25.000	25.000		25.000	100,0		100,0
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
6. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	0		3.874.822	3.320.271	0	3.320.271			85,7
<i>Trong đó: Quỹ lương</i>									
10.1. Quản lý Nhà nước	2.293.822		2.293.822	1.879.398		1.879.398	81,9		81,9
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	525.000		525.000	522.338		522.338	99,5		99,5
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	293.600		293.600	275.487		275.487	93,8		93,8
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản	160.200		160.200	116.478		116.478	72,7		72,7
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	165.000		165.000	122.429		122.429	74,2		74,2
10.6. Hội Cựu chiến binh	165.000		165.000	156.705		156.705	95,0		95,0
10.7. Hội Nông dân	141.200		141.200	116.932		116.932	82,8		82,8
10.8. Chi hỗ trợ khác	131.000		131.000	130.504		130.504	99,6		99,6
7. Chi cho công tác xã hội	98.076		98.076	108.076		108.076	110,2		110,2
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	98.076		98.076	98.076		98.076	100,0		100,0
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác				10.000		10.000			
12. Chi khác									
8. Tiết kiệm chi	45.000		45.000	62.000		62.000	137,8		137,8
9. Dự phòng	72.000		72.000	63.000		63.000	87,5		87,5